TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2020
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn K, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp L, xã G, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Văn Bé B, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp H, xã G, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình làm việc nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày: Chị và anh Dương Văn Bé B tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ cH sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống từ đó đến nay. Từ khi không còn chung sống, vợ cH không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình

cảm. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn Bé B. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Dương Văn K, sinh ngày 25/4/2006 (hiện do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng), Dương Thị Kim H, sinh ngày 30/9/2009 và Dương Hồng H1, sinh ngày 08/3/2013 (hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên H và H1, đồng ý để anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên K. Chị L không cấp dưỡng nuôi con tên K, chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên H và H1. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Dương Văn Bé B được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Về hôn nhân: bà Đinh Thị L và ông Dương Văn Bé B kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Chợ Mới ngày 29/10/2013, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông Bé B thường hay ghen tuông, vợ chồng thường hay cự cãi với nhau và ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, bà L yêu cầu ly hôn với ông B, ông B không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phục vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà L yêu cầu xin ly hôn với ông B là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Có 03 con chung tên Dương Văn K, sinh ngày 25/4/2006, Dương Thị Kim H, sinh ngày 03/9/2009 và Dương Hồng H1, sinh ngày 08/3/2013. Hiện cháu H, cháu H1 đang sống với bà L, cháu K đang sống với ông B. Khi ly hôn, bà L đồng ý để ông B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu Hạnh, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, 02 cháu cháu H và cháu H1 sống với bà L phát triển bình thường và 02 cháu H và H1 đều có nguyện vọng sống chung với bà L. Riêng đối với cháu K, Tòa án đã tiến hành đến địa phương ghi nhận ý kiến của cháu nhưng cháu không có mặt tại địa phương. Hiện, cháu K đang sống với ông B, bà L đồng ý để ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu, nghĩ nên tiếp tục giao 02 cháu H và H1 cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu K cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà L, ông B không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị L đối với ông Dương Văn Bé B.

- Bà Đinh Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Thị Kim H, sinh ngày 03/9/2009 và Dương Hồng H1, sinh ngày 08/3/2013; ông Dương Văn Bé B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Văn K, sinh ngày 25/4/2006, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đinh Thị L yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn Bé B, bị đơn có nơi cư trú ấp H, xã G, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Chị Đinh Thị L yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn Bé B. Chị L và anh B có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị L trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đến tháng 7/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị L yêu cầu ly hôn và triệu tập anh B tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ tháng 7/2019 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị L xác định vợ chồng có 03 con chung tên Dương Văn K, sinh ngày 25/4/2006 (hiện do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng), Dương Thị Kim H, sinh ngày 30/9/2009 và Dương

Hồng H1, sinh ngày 08/3/2013 (hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên H và H1, đồng ý để anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên K. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu H và H1 do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu K do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng. Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu H và H1 thì các cháu có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ. Riêng, đối với cháu K thì Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương thì cháu vắng mặt tại nhà nên không ghi nhận được ý kiến của cháu và cháu hiện do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng và chị L cũng đồng ý để anh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết anh B cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị L. Do đó, để chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu H1, anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L, anh B không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L đối với anh Dương Văn Bé B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L được ly hôn với anh Dương Văn Bé B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 281, ngày 29 tháng 10 năm 2013 do Ủy ban

nhân dân xã G, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Đinh Thị L và anh Dương Văn Bé B không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Đinh Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Thị Kim H, sinh ngày 30/9/2009 và Dương Hồng H1, sinh ngày 08/3/2013 (hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng), anh Dương Văn Bé B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Văn K, sinh ngày 25/4/2006 (hiện do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị Đinh Thị L và anh Dương Văn Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đinh Thị L, anh Dương Văn Bé B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Dương Văn Bé B, chị Đinh Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Đinh Thị L xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị Đinh Thị L và anh Dương Văn Bé B phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Đinh Thị L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007832 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 07/01/2020. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Anh Thư